TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ DẦU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 22-5-2019
V/v Tranh chấp về nuôi con của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Tuấn Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Đoàn Thế Dũng.

2/ Ông Nguyễn Thái Bình.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Trần Xuân Son – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Hoàng – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 307/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp về nuôi con của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2019/QĐXX-ST ngày 06 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đỗ Kim T, sinh năm 1977 (vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1976 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Tổ 15, ấp 3, xã Đ, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Đỗ Kim T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn M bắt đầu chung sống như vợ chồng từ năm 1996, hôn nhân tự nguyện không bị ai ép buộc, không có tổ chức lễ cưới và không có đăng ký kết hôn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do anh chị làm ăn thất bại dẫn đến kinh tế trong gia đình khó khăn, anh M có quan hệ với người phụ nữ khác nên

chị có khuyên mà anh M không thay đổi. Anh chị ly thân từ năm 2015 cho đến nay nên chị yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh Mạnh.

Về con chung: Có 02 người con gồm Nguyễn Đỗ Trúc L, sinh ngày 20-8-1997 và Nguyễn Đỗ Lam P, sinh ngày 04-3-2002. Hiện cháu L đã thành niên nên chị không yêu cầu giải quyết. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu P vì cháu P đang sống với chị, chị không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện chị đang làm công nhân tại khu công nghiệp Phước Đông với mức lương khoảng 5.000.000 đồng/tháng nên có khả năng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn M trình bày:

Anh thống nhất như lời trình bày của chị T về hôn nhân nên anh đồng ý yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh và chị T.

Về con chung: Có 02 người con chung như chị T trình bày. Anh không yêu cầu giải quyết đối với cháu L vì đã thành niên. Anh đồng ý giao cháu P cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng và anh không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và giải quyết vụ án:

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi vào nghị án được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 9, 14, 53, 81 và 82 của Luật Hôn nhân và gia đình:

1. Tuyên bố không công nhận chị T và anh M là vợ chồng.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Về con chung: Hiện cháu Nguyễn Đỗ Trúc L, sinh ngày 20-8-1997 đã thành niên nên không giải quyết. Giao cho chị T có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Đỗ Lam P, sinh ngày 04-3-2002. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị T và anh M vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, nên vụ án vẫn được tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[1.1] Về hôn nhân: Chị T và anh M chung sống với nhau vào năm 1996, trước đó có tìm hiểu, hôn nhân tự nguyện, không có tổ chức lễ cưới và không đăng ký kết hôn. Khi chung sống anh chị đã đủ điều kiện kết hôn, nhưng anh chị không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên hôn nhân của anh chị không được pháp luật công nhận và bảo vệ. Vì vậy, căn cứ vào các điều 9, 14 và 53 của Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh chị là phù hợp.

[1.2] Về con chung: Có 02 người con chung tên Nguyễn Đỗ Trúc L, sinh ngày 20-8-1997 và Nguyễn Đỗ Lam P, sinh ngày 04-3-2002. Hiện cháu L đã thành niên, có khả năng lao động nên không giải quyết. Anh chị thỏa thuận giao cho chị T có quyền tiếp tục nuôi dưỡng cháu P, anh M không phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, việc thỏa thuận của anh chị phù hợp với nguyện vọng của cháu P là muốn được sống với chị T nên Hội đồng xét xử ghi nhận là phù hợp với các điều 81 và 82 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[1.3] Về tài sản chung: Anh chị không yêu cầu giải quyết.

[1.4] Về nợ chung: Không có nên anh chị không yêu cầu giải quyết.

[3] Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các điều 9, 14, 53, 81 và 82 của Luật Hôn nhân và gia đình.

1. Tuyên bố: Không công nhận chị Đỗ Kim T và anh Nguyễn Văn M là vợ chồng.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Hiện cháu Nguyễn Đỗ Trúc L, sinh ngày 20-8-1997 đã thành niên, có khả năng lao động nên không giải quyết. Giao cho chị T có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Đỗ Lam P, sinh ngày 04-3-2002. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị không yêu cầu giải quyết.

3. Án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị Thơ đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu số 0009099

ngày 25 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu. Chị T đã nộp xong tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- CC.THADS huyện Gò Dầu;
- UBND xã Bàu Đồn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Tuấn Anh